

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST.

Ngày: 16-7-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trang Văn Hai.

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2025/TLST – DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2025/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Văn bản ủy quyền số 135/2025/UQ-TGD).

Địa chỉ liên lạc: B N, phường V, Quận C, TP ..

- Bị đơn: Ông Đinh Hồng C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: C, tổ A, khu phố C, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông M có đơn xin vắng mặt; ông C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 14/6/2011, ông Đinh Hồng C và Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 8.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.630.000đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.750.000đồng. Tổng số tiền đã thanh toán được áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng theo thứ tự sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Dù đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng ông C không có thiện chí trả nợ, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, ngày 26/5/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 2.520.636đồng sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn là lãi suất trong hạn được công bố là $2,15\%/tháng \times 150\% = 3,225\%/tháng$.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Đinh Hồng C thanh toán số tiền nợ gốc là 2.520.636đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 16/7/2025 là 11.029.700đồng, tổng cộng là 13.550.336đồng. Ngoài ra ông Đinh Hồng C phải tiếp tục thanh toán lãi cho Ngân hàng từ ngày 17/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất của hợp đồng đã ký.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và khi Tòa án mở phiên tòa xét xử.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2025 và biên bản làm việc ngày 12/6/2025, bị đơn ông Đinh Hồng C trình bày:

Ông xác nhận ông có ký Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/6/2011. Ông đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 2.520.636đồng. Về tiền lãi ông đề nghị Ngân hàng giảm cho ông 50% tiền lãi, ông sẽ thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi thành 02 đợt vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2025.

Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Đinh Hồng C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 2.520.636 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn, ông Đinh Hồng C là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đinh Hồng C cư trú tại phường T, TP., tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Ngọc M có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Đinh Hồng C có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng.

Ngày 14/6/2011, ông Đinh Hồng C và Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch được thực hiện phù hợp các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 121, 122, 124, 388, 405, 471 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn ông Đinh Hồng C cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 2.520.636 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả số tiền gốc đã vay là phù hợp Điều 471 và 473 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Tại bản tự khai ngày 25/4/2025 và biên bản làm việc ngày 12/6/2025, ông C đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng nhưng xin được giảm 50% tiền lãi. Theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng hai bên đã ký, ông C đã vi phạm Điều 2 của thỏa thuận, do đó ngày 26/5/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 2.520.636 đồng sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn là lãi suất trong hạn được công bố là $2,15\%/tháng \times 150\% = 3,225\%/tháng$ (Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng) là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Ngoài ra, bị đơn ông Đinh Hồng C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kể từ

ngày 17/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Đinh Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 677.517đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 121, 122, 124, 388, 405, 471, 473 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Đinh Hồng C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Đinh Hồng C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 2.520.636đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 16/7/2025 là 11.029.700đồng, tổng cộng là 13.550.336đồng (Mười ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đinh Hồng C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Đinh Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 677.517đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 322.000đồng (Ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006036 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Trần Ngọc Phương Trang